

Bản án số: 29/2021/HS-PT
Ngày 19-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thúy Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Tố Quyên- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 135/2020/TLPT-HS, ngày 18-12-2021 đối với bị cáo Trương Đăng K và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 10-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Bị cáo kháng cáo:

1. Trương Đăng K, sinh ngày 01/8/2002 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Tấn P và bà Trương Thị L; chưa có vợ, con; tại ngoại - có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị Kim L; chưa có vợ, con; tại ngoại - có mặt.

3. Hồ Quốc H, sinh năm 1994 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ N và bà Trương Thị Y; có vợ là Bùi Thị T và 01 con; tại ngoại - có mặt.

4. Nguyễn Tiến T, sinh ngày 17/4/2001 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị V; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/11/2019; tại ngoại - có mặt.

5. Đặng Văn C, sinh năm 1999 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn a, xã D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Tổ a, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: thợ sửa xe máy; trình độ

học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Lê Thị S; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/11/2019; tại ngoại - có mặt.

6. Hồ Văn K1, sinh năm 1997, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Tổ a, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ N và bà Đinh Thị N; chưa có vợ, con; tiền sự: Ngày 02/3/2019 bị Công an phường N, thành phố G xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi gây mất trật tự tại khu dân cư, đã chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/9/2019; tại ngoại - có mặt.

7. Nguyễn Quốc V, sinh năm 1999, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B2, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M và bà Lê Thị H; chưa có vợ, con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 18/11/2019; tại ngoại - có mặt.

8. Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 08/10/2002, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn a, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Hoàng Thị S; chưa có vợ, con; tại ngoại - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình Hoa viên khu vực H tại tổ b, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông là công trình mỹ quan đô thị, điểm vui chơi, thư giãn công cộng của nhân dân thành phố G. Hoa viên có các hướng tiếp giáp với đường 23/3, đường M và đường H. Xung quanh hoa viên là khu dân cư sinh sống và buôn bán, kinh doanh đông đúc. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 22/7/2019 có 09 đối tượng gồm Trương Đăng K, Phạm Khắc Đức T1, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Quốc V, Hồ Văn K1, Nguyễn Văn D, Đặng Văn C, Hoàng Tiến Đ và Hồ Quốc H đã tụ tập, dùng hung khí, xe mô tô đuổi đánh nhau gây náo loạn, làm ảnh hưởng đến trật tự tại khu vực hoa viên H, cụ thể như sau:

Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 22/7/2019, nhóm của K gồm K, T, T1, V nhậu tại quán vỉa hè hoa viên H do chị Nguyễn Thị T làm chủ. Nhậu được khoảng 5 phút thì V một mình đi đá bóng còn K, T và T1 tiếp tục nhậu. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì nhóm của D gồm D, K1, C, H và Đ cũng đến quán để nhậu. Khi vừa vào quán thì D cãi nhau với con trai của chị T là anh Nguyễn T. Thấy vậy K chửi nhóm của D thì C can ngăn rồi chở D và Đ về tiệm bánh mì TP tại tổ a, phường N (nơi D làm việc). Do bức tức vì bị K chửi nên D, Đ rủ nhau quay lại quán nhậu để đánh nhóm của K.

Còn nhóm của K thấy nhóm của D cãi nhau to tiếng, nghĩ nhóm D sẽ quay lại đánh mình nên K điều khiển xe mô tô Honda Vario BKS 48C1-216.95 chở T đến sân bóng đá Hà My thuộc tổ c, phường N, rủ V về để đánh nhau. Đến sân bóng, K và T vào khu vực bếp của sân bóng tìm hung khí, K lấy một con dao dài khoảng

30cm, rộng 6cm, mũi bằng, cán gỗ dặt vào sau lưng rồi kéo áo che lại, còn T lấy một con dao Thái lan bằng kim loại, lưỡi dài 16,5cm, rộng 3,6cm, cán bằng gỗ nhét vào hộc chứa đồ phía trước xe mô tô dùng làm hung khí để đánh nhau với nhóm của D. Sau đó T, K, V chở nhau quay lại ngã ba H.

Sau khi chở D và Đ về thì C điều khiển xe quay lại ngã ba H thì thấy K1, H đang ở đây. Cả ba thấy K đang nhét dao sau lưng nên C nói “*mày cầm cái gì sau lưng đó*”, K nói “*em cầm cái gì kệ em*” rồi nhóm của K và nhóm của C xảy ra mâu thuẫn cãi nhau qua lại. Sau đó C chở K1, H về tiệm bánh mì TP. Khi đến trước cửa hàng thế giới di động tại tổ c, phường N thì gặp D và Đ, H nói “*mấy thằng dưới kia chuẩn bị hàng để chơi mình kìa*” (ý nói để đánh nhau). Nghe vậy D rủ cả nhóm đi đánh nhau với nhóm của K thì tất cả đồng ý. D, H, C đi sang hai bên đường nhặt 3 cây tuýp sắt bằng cán dùi, đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 01m làm hung khí. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô BKS 92G1-21.333 chở D và H cùng mang theo 02 tuýp sắt, còn K1 điều khiển xe mô tô BKS 48B1-528.53 chở C mang theo 01 tuýp sắt rồi cùng nhau chạy thẳng đến ngã ba H để đánh nhau với nhóm của K.

Khi K, T, V, T1 đang ngồi nhậu thì thấy nhóm của D đến. Biết sẽ có đánh nhau, nên T1 chạy ra xe mô tô Honda Vario BKS 48C1-216.95 lấy 01 con dao mà T1 đã lấy từ sân bóng H, K rút con dao đang dặt sau lưng ra, V và T cầm ghế nhựa đứng dậy, rồi 05 người nhóm của D và 04 người nhóm của K la hét, xông vào đuổi đánh nhau, gây náo loạn khu vực Hoa viên và ngã ba H làm vỡ 05 chiếc ghế nhựa tại quán nhậu của chị T, T, T1 bị đánh trầy xước, bầm tím da. Thấy hai nhóm cầm hung khí đuổi đánh nhau nên chị T và những người dân bán hàng xung quanh khu vực Hoa viên hoảng sợ bỏ chạy. Đánh nhau khoảng hơn 5 phút thì nhóm của K bỏ chạy, nhóm của D đuổi theo nhưng không kịp nên cả nhóm điều khiển xe ra ngã ba H và Quốc Lộ a ngồi chơi (Cách Hoa viên H khoảng 1km). Còn nhóm của K sau khi bị nhóm của D đuổi đánh đã đón xe Taxi đến sân bóng H nhờ khoảng 10 người bạn đang đá bóng đến ngã ba H để đánh lại nhóm của D. Sau đó nhóm K cùng Đ, D, T1.... (khoảng 10 người, chưa rõ nhân thân lai lịch) đến ngã ba H tìm nhóm của D nhưng không gặp. Khoảng 5 phút sau, nhóm của D quay lại tìm nhóm của K để đánh nhau, khi thấy nhóm K đông người nên điều khiển xe chạy theo đường H về đường T, đến khu vực chợ mới thành phố G thuộc tổ d, phường N rồi dừng xe bên lề đường ngồi nghỉ.

Ngoài hành vi như trên, K và T1 còn thực hiện hành vi đánh Nguyễn Văn D gây thương tích, cụ thể:

Sau khi nhóm của D bỏ đi, nhóm của K rủ nhau đi tìm những người trong nhóm D để đánh. K đem theo 01 con dao lấy từ sân bóng H, T1 nhặt ở lề đường 01 tuýp sắt dài khoảng 60cm, cạnh vuông 2cm rồi K điều khiển xe mô tô BKS 48C1-216.95 đi tìm nhóm của D. Khoảng 02 giờ 50 phút cùng ngày, K và T1 chạy đến khu vực chợ mới thành phố G thì thấy 5 người gồm D, C, H, K, Đ đang ngồi sát lề đường. K điều khiển xe mô tô chạy thẳng đến vị trí nhóm của D. Thấy vậy C, H, K và Đ điều khiển 2 xe mô tô chở nhau bỏ chạy, còn D chạy không kịp nên bị xe của K điều khiển tông thẳng từ phía sau, D ngã xuống nền đường. Lúc này, T1 ngồi phía sau xe mô tô cầm tuýp sắt bằng tay phải đập 01 phát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng đầu của D. Còn K dùng tay trái điều khiển xe mô tô, tay phải với

lấy con dao để trên ngăn chứa đồ phía trước bên trái của xe, rồi chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào vùng đầu của D. Bị đánh D bỏ chạy về hướng Chùa P thì K và T1 cầm theo dao và tuýp sắt đuổi theo. Chạy được khoảng 50m thì D trèo qua hàng rào rồi chạy vào trong nhà bà Đinh Thị T trốn. K điều khiển xe máy chở T1 đến đứng ngoài đường bật đèn xe chiếu vào thì thấy đầu D chảy nhiều máu nên điều khiển xe bỏ đi. Sau đó bà T gọi điện thoại trình báo lực lượng cảnh sát 113 và đưa D đến bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông cấp cứu, cùng ngày thì chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố Hồ Chí Minh điều trị.

Hậu quả: Nguyễn Văn D bị vết thương vùng đỉnh thái dương trái, mẻ xương sọ vùng đỉnh trái, gãy mất cá chân trái.

Tại Bản kết luận giám số 193/TgT ngày 29/7/2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: Nguyễn Văn D bị vết thương phần mềm kích thước lớn, số lượng ít, tỷ lệ 08%; mẻ xương vòm sọ chiều dài dưới 3cm, tỷ lệ 6% cộng lùi bằng 5,52%; gãy mất cá trong chân trái không di lệch, tỷ lệ 6% cộng lùi bằng 5,18%; tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 18,7%, làm tròn bằng 19%. Vết thương vùng đầu, mẻ xương vòm sọ là do bị vật sắc tác động mạnh hướng từ trên xuống dưới; gãy mất cá trong chân trái có thể do bị ngã khi bị xe máy tông.

Phạm Khắc Đức T1 và Nguyễn Tiến T trong khi đánh nhau tại Hoa viên H bị thương tích, trầy xước và bầm tím da. T, T1 không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 10-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa quyết định: Tuyên bố bị cáo Trương Đăng K phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" và tội "*Gây rối trật tự công cộng*". Các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V, Hoàng Tiến Đ phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

1.1. Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, khoản 2, Điều 318; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đăng K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*", 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của 02 tội là 05 (năm) năm tù.

1.2 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù; bị cáo Hồ Quốc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo Nguyễn Tiến T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Đặng Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Hồ Văn K1 03 (ba) năm tù; bị cáo Nguyễn Quốc V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến Đ 02 (hai) năm tù.

Ngày 11-11-2020, bị cáo Hồ Văn K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo

Ngày 17-11-2020, bị cáo Hồ Quốc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 19-11-2020, bị cáo Nguyễn Tiến T kháng cáo xin được hưởng án treo

Ngày 24-11-2020, bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Tiến Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Quốc V kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Trương Đăng K xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đặng Văn C xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận bị Tòa án nhân thành phố Gia Nghĩa xử phạt các bị cáo về tội danh như bản án sơ thẩm đã quyết định là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa phần áp dụng pháp luật đối với bị cáo Hồ Văn K, Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H và Hoàng Tiến Đ; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng Tiến Đ, Hồ Quốc H, sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 năm 03 tháng tù, giữ nguyên mức hình phạt nhưng chuyển cho hưởng án treo đối với bị cáo Hoàng Tiến Đ và Hồ Quốc H; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Đăng K; Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bản án sơ thẩm số: 76/2020/HS-ST ngày 10-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã kết án bị cáo Trương Đăng K về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 và tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; kết án các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V, Hoàng Tiến Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Hồ Văn K1 và kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tiến T, Nguyễn Quốc V, xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Hồ Văn K1 cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm đối với bị cáo, bị cáo Nguyễn Tiến T cung cấp thêm xác nhận ông bà cố nội của bị cáo là người có công với cách mạng nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Quốc V không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, xét thấy bị cáo Hồ Văn K1 mặc dù được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo phạm tội khi còn 01 tiền sự, các bị cáo Nguyễn Tiến T và Nguyễn Quốc V chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự, do đó căn cứ theo Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo quy định về điều kiện được hưởng án treo thì các bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo. Sau khi xem xét đầy đủ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Hồ Văn K1 03 năm tù, bị cáo Nguyễn Tiến T và Nguyễn Quốc V mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù đã phù hợp với vai trò, tính chất, hậu quả hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.2]. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Đăng K và bị cáo Đặng Văn C, xét thấy: bị cáo Trương Đăng K bị xử phạt trong cùng 01 lần về hai tội, trong đó, tội “*Cố ý gây thương tích*”, bị cáo là người thực hành tích cực hơn, điều khiển xe mô tô tông thẳng phía sau làm Nguyễn Văn D ngã xuống đường rồi tiếp tục cầm dao chém vào vùng đầu của Dương; về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, bị cáo chủ động đi rủ thêm bị cáo V quay lại để đánh nhau và mang theo hung khí dẫn đến sự việc đánh nhau giữa hai bên. Do đó, khi áp dụng hình phạt, bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác, tuy nhiên khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (16 tuổi 11 tháng 21 ngày), do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 02 năm 06 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” là phù hợp với vai trò, tính chất và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đối với bị cáo Đặng Văn C, xét thấy mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” đã phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H và Hoàng Tiến Đ, xét thấy: Bị cáo Nguyễn Văn D vừa là bị cáo cũng là bị hại trong vụ án với thương tích 19%. Sau khi to tiếng tại quán nhậu, bị cáo được bị cáo Đặng Văn C chở về nhà, bị cáo không chủ động quay lại để đánh nhau với nhóm của Trương Đăng K, hành vi này chỉ bột phát khi bị cáo cùng bị cáo Hoàng Tiến Đ đi tìm quán ăn khuya thì gặp C, K, H nói sự việc nhóm K có mang theo vũ khí để đánh nhau nên mới cùng C, K, H, Đ quay lại đánh nhau với nhóm của K. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo D cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với bị cáo Hoàng Tiến Đ và Hồ Quốc H, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu, khi phạm tội bị cáo Đ là người chưa thành niên (16 tuổi 9 tháng 14 ngày), tại cấp phúc thẩm bị cáo Đức cung cấp thêm giấy xác nhận của chị Nguyễn Thị T (chủ quán nhậu) về việc bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ bàn ghế bị hư hỏng cho chị T, bị cáo H cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn,

đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm đối với các bị cáo. Mặt khác, bị cáo Hoàng Tiến Đ và Hồ Quốc H đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, chuyển cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Trương Đăng K, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H và Hoàng Tiến Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa phần áp dụng pháp luật đối với các bị cáo Hồ Văn K, Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H và Hoàng Tiến Đ; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Đăng K, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo K, T, C, K1, V; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H và Hoàng Tiến Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo D, H, Đ.

1.1. Tuyên bố bị cáo Trương Đăng K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1.1.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Đăng K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1.1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Đăng K 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1.1.3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trương Đăng K phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Hồ Quốc H, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V, Hoàng Tiến Đ phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1.2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

1.2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Quốc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

1.2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/11/2019.

1.2.4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 06/11/2019.

1.2.5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn K1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019 đến ngày 18/9/2019.

1.2.6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2019 đến ngày 18/11/2019.

1.2.7 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Tiến Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hồ Quốc H cho Ủy ban nhân dân xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Hoàng Tiến Đ cho Ủy ban nhân dân xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

1.2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trương Đăng K, Nguyễn Tiến T, Đặng Văn C, Hồ Văn K1, Nguyễn Quốc V phải chịu mỗi bị cáo 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT CA thành phố Gia Nghĩa;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương